



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

KEOSOUBINH SAKHONE

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH CHAMPASAK, NƯỚC CỘNG
HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Mã số: 8310105

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Thu Hà

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Phản biện 2: TS. Nguyễn Hoàng Hà

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế
Phát triển họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 01
tháng 11 năm 2025.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Tỉnh Champasak có tiềm năng phát triển kinh tế nông nghiệp lớn của khu vực Nam Lào, nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi như đất đai màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa, hệ thống sông Mê Kông và các nhánh sông phụ trợ. Trong nhiều năm qua, nông nghiệp vẫn đóng vai trò là khu vực sản xuất chính, cung cấp việc làm và thu nhập cho phần lớn dân cư, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi và các cộng đồng dân tộc thiểu số. Nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo và đóng vai trò sống còn trong cơ cấu kinh tế tỉnh.

Tuy nhiên, sự phát triển nông nghiệp của tỉnh Champasak vẫn còn nhiều hạn chế. Ngành nông nghiệp phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Hình thức sản xuất chủ yếu vẫn dựa trên canh tác truyền thống, quy mô nhỏ lẻ, thiếu cơ giới hóa và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết, thiếu hệ thống thủy lợi bền vững; các hệ thống hiện có còn manh mún, thiếu kết nối. Việc quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên như đất canh tác, rừng và nguồn nước còn thiếu tính bền vững. Nông dân chủ yếu canh tác theo tập quán truyền thống, ít được tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và thị trường tiêu thụ ổn định. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, mức độ cơ giới hóa thấp. Chuỗi giá trị nông nghiệp còn thiếu liên kết giữa các tác nhân như nông dân - doanh nghiệp - cơ quan liên quan - ngân hàng - thị trường tiêu thụ. Điều này dẫn đến giá trị gia tăng trong sản xuất thấp, sản phẩm nông nghiệp khó cạnh tranh trên thị trường, ảnh hưởng đến thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi lựa chọn nghiên cứu đề án “*Phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*” làm đề án thực sĩ.

2. Mục tiêu xây dựng đề án

Mục tiêu chính của đề tài nhằm phân tích, đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện đề án phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể gồm:

- Khái quát cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của phát triển nông nghiệp.
- Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak, chỉ ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.
- Đề xuất giải pháp có tính khả thi, phương thức triển khai và tổ chức thực hiện đề án phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: Trên địa bàn tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào.
- Về mặt thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng giai đoạn 2020-2024; các giải pháp được đề xuất đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

4.2. Phương pháp phân tích

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Đề án có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước hết, đề án góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người dân địa phương, từ đó cải thiện đời sống và giảm nghèo bền vững. Đối với tỉnh Champasak, đề án là cơ sở để quy hoạch, đầu tư và phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đối với các cơ quan liên quan như Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, UBND các huyện, thị xã và các tổ chức khuyến nông, đề án đóng vai trò định hướng trong công tác quản lý, điều hành, phân bổ nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, đề án có kết cấu gồm 04 chương đó là:

Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về phát triển nông nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào.

Chương 3: Giải pháp của đề án.

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến phát triển nông nghiệp

1.1.1. Nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, sử dụng đất đai, nguồn nước và các yếu tố tự nhiên khác làm tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm tạo ra lương thực, thực phẩm, nguyên liệu công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu; bao gồm các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Ngày nay, nông nghiệp ngày càng gắn kết chặt chẽ với công nghệ, môi trường và phát triển bền vững.

1.1.2. Phát triển nông nghiệp

Phát triển là quá trình toàn diện và lâu dài nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo sự công bằng, bền vững cho xã hội. Trong khi đó, phát triển nông nghiệp là một bộ phận của phát triển kinh tế - xã hội, với nội hàm không chỉ là gia tăng sản lượng mà còn hướng tới đổi mới kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống nông dân và bảo vệ môi trường.

1.1.3. Đặc điểm và vai trò của phát triển nông nghiệp

1.1.3.1. Đặc điểm của phát triển nông nghiệp

- Nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên như khí hậu, đất đai, nước và thời tiết.

- Phát triển nông nghiệp gắn với sử dụng lao động thủ công và trình độ kỹ thuật còn hạn chế, đặc biệt ở các khu vực nông thôn truyền thống.

- Phát triển nông nghiệp phải đảm bảo tính bền vững cả về sinh thái lẫn xã hội.

- Phát triển nông nghiệp phụ thuộc vào thị trường và chuỗi giá trị nông sản.

1.1.3.2. Vai trò của phát triển nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế quốc dân, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển.

- Phát triển nông nghiệp còn gắn liền với bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển nông nghiệp không thể tách rời khỏi ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và liên kết chuỗi giá trị.

1.2. Các nội dung phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp có nghĩa là mở rộng cả về số lượng và quy mô của các đơn vị sản xuất, bao gồm: hộ gia đình nông nghiệp, các cá nhân kinh doanh nông trại, các nhóm nông dân tổ chức thành tổ hợp tác hoặc hợp tác xã nông nghiệp, cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp [13]. Nói cách khác, gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp là sự gia tăng tuyệt đối về số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp, có thể thông qua việc thành lập các đơn vị sản xuất mới hoặc mở rộng quy mô của các đơn vị hiện tại. Sự gia tăng ở đây không chỉ đơn thuần là tăng số lượng hiện hữu, quá trình này còn bao hàm việc lan tỏa hoạt động sản xuất nông nghiệp sang các khu vực mới có tiềm năng - chẳng hạn như các vùng ven, nông thôn xa xôi hoặc các khu vực chưa được khai thác hiệu quả về mặt nông nghiệp. Việc mở rộng theo chiều ngang như vậy sẽ góp phần phân bổ hợp lý hơn các nguồn lực như đất đai, lao động và công nghệ nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất phát triển một cách toàn diện và bền vững trên phạm vi rộng.

Đây cũng là nền tảng quan trọng để xây dựng một nền kinh tế nông nghiệp năng động, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao trong tương lai.

1.2.2. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

Gia tăng các yếu tố nguồn lực là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Nguồn lực bao gồm đất đai, lao động, vốn, khoa học công nghệ và thông tin. Việc mở rộng diện tích đất canh tác và sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp góp phần nâng cao năng suất và sản lượng. Bên cạnh đó, lực lượng lao động đông đảo, có trình độ và kỹ năng ngày càng được cải thiện cũng là yếu tố thiết yếu cho sự gia tăng sản xuất.

1.2.3. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

Trong cơ cấu nội bộ của ngành, tỷ trọng của ngành trồng trọt đang có xu hướng giảm, trong khi ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp ngày càng gia tăng về cả quy mô và giá trị. Ở lĩnh vực trồng trọt, xu hướng là giảm dần diện tích cây lương thực truyền thống như lúa, ngô - đặc biệt là ở những vùng có điều kiện canh tác khó khăn hoặc hiệu quả thấp - để tăng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, rau màu, và cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, điều. Sự thay đổi này không chỉ nhằm nâng cao thu nhập cho người nông dân mà còn góp phần đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu [7]. Về chăn nuôi, cơ cấu ngành cũng đang chuyển dịch tích cực theo hướng hiện đại hóa. Các giống vật nuôi truyền thống dần được thay thế bằng các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm và thị hiếu tiêu dùng.

1.2.4. Nâng cao trình độ thâm canh trong nông nghiệp

Công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu nên quá trình thâm canh ngày càng trở nên sâu sắc và mang tính chiến lược. Thâm canh không chỉ đơn thuần là tăng cường đầu tư về giống, phân bón, kỹ thuật và lao động trên một đơn vị diện tích, mà còn bao hàm sự tích hợp của tri thức, đổi mới công nghệ và quản lý hiệu quả tài nguyên. Chính vì vậy, việc hiểu đúng và giải thích một cách khoa học về khái niệm thâm canh nông nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ về mặt lý luận để phục vụ nghiên cứu và hoạch định chính sách, mà còn mang tính thực tiễn cao nhằm áp dụng hiệu quả trong thực tế sản xuất. Điều này góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, đồng thời đảm bảo tính bền vững trong sử dụng đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường nông nghiệp.

1.2.5. Phát triển các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ trong nông nghiệp

- Liên kết ngang, hay còn gọi là liên kết theo chiều ngang, là mối quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hoạt động trong cùng một ngành hoặc các ngành có liên quan mật thiết với nhau.

- Liên kết dọc là quá trình hợp tác chặt chẽ giữa các yếu tố khác nhau trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ, nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả tổng thể của chuỗi.

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Kết quả sản xuất nông nghiệp là thành quả mà ngành nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất cụ thể, thể hiện qua nhiều chỉ tiêu khác nhau. Đó có thể là số lượng sản phẩm thu hoạch được, giá trị tổng sản phẩm, cũng như giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp trong khoảng thời gian nhất định. Khi nói đến kết quả sản

xuất nông nghiệp, người ta không chỉ đề cập đến loại hình sản phẩm được sản xuất mà còn bao gồm số lượng cụ thể của từng loại, tỷ lệ sản phẩm được chuyển hóa thành hàng hóa, cũng như giá trị kinh tế của các sản phẩm đó trên thị trường [12].

1.3. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

1.3.1. Văn bản của Chính phủ

- Luật Đất đai 49/2014/QH ngày 29/10/2014 của Quốc hội nước CHDCND Lào.

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội nước CHDCND Lào Quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 15/5/2021 của Chính phủ nước CHDCND Lào Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong nông nghiệp.

1.3.2. Văn bản của tỉnh Champasak

- Kế hoạch số 42/2020/KH-UBND ngày 3/2/2020 của UBND tỉnh Champasak về phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak 2020-2024.

- Kế hoạch số 282/2021/KH-UBND ngày 14/2/2021 của UBND tỉnh Champasak Hỗ trợ công nghệ số trong nông nghiệp 2021-2024.

Kết luận chương 1

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH CHAMPASAK, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Champasak

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm kinh tế

2.1.3. Đặc điểm xã hội

2.1.4. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội đến phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak

2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak

2.2.1. Thực trạng gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

**Bảng 2.4. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp tỉnh Champasak
giai đoạn 2020 -2024**

Đơn vị: cơ sở

TT	Cơ sở sản xuất nông nghiệp	2020	2021	2022	2023	2024
1	HTX	12	15	16	21	24
2	Trang trại	36	44	52	60	68
3	Nông hộ	30.350	3.340	3.570	39.240	43.200
4	Doanh nghiệp nông nghiệp	60	74	82	91	100

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Nông lâm tỉnh Champasak

Trong giai đoạn 2020 - 2024, số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Champasak có xu hướng gia tăng liên tục ở tất cả các loại hình. Bắt đầu từ hợp tác xã nông nghiệp (HTX), với 12 cơ sở

vào năm 2020, tăng lên 15 cơ sở vào năm 2021 và tiếp tục tăng lên 16 cơ sở vào năm 2022, 21 cơ sở vào năm 2023 và đạt 24 cơ sở vào năm 2024, cho thấy sự mở rộng của hình thức liên kết giữa nông dân nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

2.2.2. Thực trạng gia tăng các yếu tố nguồn lực

2.2.2.1. Đất đai

Bảng 2.5. Tình hình sử dụng đất của tỉnh Champasak năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Tổng diện tích tự nhiên	Đất SXNN	Đất phi NN	Đất chưa sử dụng
1	Diện tích (ha)	1.541.000	716.565	528.563	295.872
2	Cơ cấu (%)	100	46,50	34,30	19,20

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Champasak, 2024

Nhìn bảng trên ta thấy, trước hết, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Champasak đạt 1.541.000 ha. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp chiếm 716.565 ha, tương ứng 46,5% tổng diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có tỷ trọng lớn nhất, phản ánh đặc trưng của một tỉnh thuộc khu vực Nam Lào, nơi điều kiện tự nhiên và kinh tế – xã hội gắn liền chặt chẽ với nông nghiệp.

2.2.2.2. Lao động

Trong giai đoạn 2020-2024, cơ cấu lao động tại tỉnh Champasak có sự chuyển dịch dần từ khu vực nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, đặc biệt là du lịch. Tuy nhiên, lao động trong ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn do nền kinh tế của tỉnh vẫn mang tính chất nông nghiệp truyền thống.

Giai đoạn 2020-2024, tổng số lao động của tỉnh giảm nhẹ từ 286 nghìn xuống còn 283,5 nghìn người. Tuy nhiên, cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế có sự chuyển dịch rõ rệt. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm từ 178,5 nghìn người (62,5%) xuống 163,5 nghìn người (57,6%), phản ánh xu hướng rút dần khỏi khu vực nông nghiệp do quá trình đô thị hóa, phát triển du lịch và chuyển đổi cơ cấu cây trồng đang thu hút lao động chuyển sang ngành khác. Ngược lại, lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 61 nghìn người (21,4%) lên 70,5 nghìn người (24,8%) do phát triển các khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng, nhất là tại thành phố Pakse và các khu vực ven sông Mê Kông. Khu vực dịch vụ và du lịch cũng tăng nhẹ từ 46,5 nghìn (16,3%) lên 49,5 nghìn người (17,6%), thể hiện vai trò ngày càng quan trọng. Từ năm 2022 trở lại đây do sự phục hồi sau đại dịch COVID-19. Tỉnh Champasak là điểm đến du lịch nổi bật ở miền Nam Lào (Wat Phou, thác Khone Phapheng, 4000 đảo), thu hút lực lượng lao động trẻ tham gia vào lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, hướng dẫn viên và thương mại. Những số liệu này cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ đang diễn ra ổn định tại địa phương.

2.2.2.3. Vốn đầu tư

Trong giai đoạn 2020 - 2024, tổng vốn đầu tư hàng năm của tỉnh Champasak có xu hướng tăng, từ 44.252,10 tỷ Kip năm 2020 tăng lên 73.206,00 tỷ Kip năm 2024. Cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế có sự thay đổi rõ rệt. Năm 2020, vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp đạt 7.388,30 tỷ Kip, chiếm tỷ lệ 17% tổng vốn đầu tư, tỷ lệ này duy trì gần như ổn định trong năm 2021 và 2022, sau đó tăng nhẹ lên 9.073,79 tỷ Kip (18%) năm 2023 trước khi giảm xuống còn

8.108,00 tỷ Kip (11%) năm 2024, phản ánh xu hướng giảm dần vai trò của đầu tư vào khu vực nông nghiệp. Trong khi đó, vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp tiếp tục tăng đều từ 15.868,10 tỷ Kip năm 2020 lên 19.723,00 tỷ Kip năm 2024, mặc dù tỷ trọng giảm nhẹ từ 36% còn 27%. Đáng chú ý, lĩnh vực dịch vụ có mức tăng trưởng nổi bật, với vốn đầu tư tăng mạnh từ 20.996,00 tỷ Kip (47%) năm 2020 lên 45.375,00 tỷ Kip (62%) năm 2024, cho thấy xu hướng chuyển dịch đầu tư mạnh mẽ sang khu vực dịch vụ, phản ánh sự thay đổi trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Champasak trong 5 năm qua.

2.2.2.4. Công nghệ sản xuất nông nghiệp

Trong những năm gần đây, tỉnh Champasak đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Nhiều mô hình như tưới tiết kiệm, canh tác hữu cơ, trồng theo hàng và sử dụng giống chất lượng cao đã được triển khai tại các huyện Paksong, Bachieng và Pathoumphone. Đồng thời, tỉnh cũng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và cơ giới hóa vào gieo trồng, thu hoạch và bảo quản, đặc biệt đối với cà phê, lúa gạo và rau màu. Tuy nhiên, quá trình mở rộng ứng dụng công nghệ vẫn gặp khó khăn do thiếu nhân lực kỹ thuật, trình độ nông dân còn hạn chế và khả năng tiếp cận vốn thấp. Trước thực trạng đó, tỉnh đang tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và trung ương để đào tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển hệ thống khuyến nông, hướng tới hiện đại hóa nền nông nghiệp một cách bền vững.

2.2.3. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

2.2.3.1. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành nông - lâm - thủy sản

Giai đoạn 2020-2024, cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp tỉnh Champasak có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng trồng trọt và chăn nuôi, trong khi ngành thủy sản tăng nhẹ, còn lâm nghiệp giảm mạnh. Trồng trọt tiếp tục giữ vai trò chủ lực nhờ điều kiện đất đai và khí hậu thuận lợi, đặc biệt tại các huyện Pakson và Bancheng với thế mạnh về cà phê, lúa gạo và rau màu. Chăn nuôi cũng được thúc đẩy nhờ các chương trình cải tạo giống và hỗ trợ kỹ thuật. Ngược lại, lâm nghiệp giảm từ 32% năm 2020 còn 8% năm 2024, phản ánh xu hướng khai thác tài nguyên rừng. Thủy sản tăng nhẹ từ 2% lên 4%, cho thấy bước đầu phát triển nuôi trồng thay vì khai thác tự nhiên. Tỷ trọng GTSX ngành nông nghiệp tổng thể tăng từ 66% năm 2020 lên 93% năm 2023, rồi giảm nhẹ còn 88% năm 2024, cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế.

2.2.3.2. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành trồng trọt

Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của tỉnh Champasak giai đoạn 2020-2024 cho thấy xu hướng chuyển dịch rõ rệt. Cây công nghiệp lâu năm như cao su và cà phê tiếp tục đóng vai trò chủ lực, với tỷ trọng tăng từ 37,2% lên 43,3%, cho thấy định hướng phát triển bền vững và phục vụ xuất khẩu. Cây lương thực tuy vẫn quan trọng nhưng có xu hướng giảm nhẹ, từ 17,1% xuống 15,6%. Cây công nghiệp hàng năm giảm mạnh, phản ánh sự thu hẹp diện tích hoặc hiệu quả kinh tế thấp. Nhóm rau, đậu và gia vị duy trì mức ổn định khoảng 14%, cho thấy nhu cầu tiêu dùng nội địa vẫn cao. Cây hàng

năm khác và cây ăn quả có biến động nhẹ theo từng năm. Nhìn chung, tỉnh Champasak đang tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị, tập trung vào cây trồng có tiềm năng kinh tế và thị trường xuất khẩu ổn định.

2.2.3.3. Chuyển dịch cơ cấu trong ngành chăn nuôi

Trong giai đoạn 2020 - 2024, cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của tỉnh Champasak có sự biến động rõ rệt giữa các nhóm sản phẩm. Tỷ trọng của gia súc chiếm ưu thế trong phần lớn các năm, từ 63,2% năm 2020 giảm xuống 45,77% năm 2021, sau đó tăng trở lại qua các năm, đạt 71,1% vào năm 2024, cho thấy xu hướng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu bò, lợn và động vật lớn khác. Ngược lại, tỷ trọng của gia cầm biến động ngược chiều, từ 35,99% năm 2020 tăng lên cao nhất 53,33% vào năm 2021, nhưng giảm dần còn 28,14% vào năm 2024, phản ánh sự điều chỉnh cơ cấu sản xuất nhằm phù hợp với thị trường và điều kiện thực tế. Trong khi đó, dịch vụ và sản phẩm phụ trong chăn nuôi chiếm tỷ lệ rất nhỏ và ổn định qua các năm, dao động nhẹ quanh mức 0,76% - 0,89%.

2.2.3.4. Chuyển dịch cơ cấu kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp

Nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, tỉnh Champasak đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ để nâng cao năng lực chăn nuôi và sản xuất của người dân. Một trong những bước đi quan trọng là xây dựng hệ thống cung ứng dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, bao gồm đào tạo kỹ thuật viên thú y, tư vấn canh tác, và hỗ trợ kỹ thuật cho các mô hình chăn nuôi quy mô nhỏ đến trung bình. Chính sách ưu đãi đầu tư cũng được đẩy mạnh, nhằm kêu gọi sự tham gia của khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác trong việc đầu tư máy móc, thiết bị chế biến và

công nghệ cao vào các lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản. Mục tiêu là nâng cao giá trị gia tăng của nông sản, giảm tổn thất sau thu hoạch và từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu.

2.2.4. Thực trạng nâng cao trình độ thâm canh trong nông nghiệp

Trong giai đoạn 2020-2024, tỉnh Champasak ghi nhận sự thay đổi đáng kể về năng suất trên mỗi hecta của các loại cây trồng chủ yếu (đơn vị: tạ/ha). Đối với lúa, năng suất tăng đều qua các năm, từ 3,84 tạ/ha năm 2020 lên 4,24 tạ/ha năm 2024, phản ánh những cải tiến trong kỹ thuật canh tác. Ngô có năng suất thấp vào đầu giai đoạn (0,84 tạ/ha năm 2020 và giảm xuống còn 0,45 tạ/ha năm 2021), nhưng phục hồi mạnh mẽ sau đó và đạt 5,81 tạ/ha vào năm 2024. Khoai sắn bắt đầu với năng suất cao (31,58 tạ/ha năm 2020), có sự sụt giảm bất thường trong năm 2021, nhưng sau đó tăng đều và đạt 42,99 tạ/ha vào năm 2024. Cà phê có năng suất dao động nhẹ trong khoảng 1,44 đến 1,68 tạ/ha, với xu hướng phục hồi vào cuối giai đoạn. Đối với các loại đậu, năng suất ban đầu ở mức trung bình (2,05 tạ/ha), giảm nhẹ vào năm 2021 nhưng tăng dần và đạt 2,40 tạ/ha vào năm 2024. Rau các loại duy trì năng suất ổn định, tăng từ 4,11 tạ/ha lên mức cao nhất là 4,99 tạ/ha năm 2023, sau đó giảm nhẹ xuống còn 4,72 tạ/ha vào năm 2024.

2.2.5. Thực trạng phát triển các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ trong nông nghiệp

Trong giai đoạn 2020-2024, số hộ nông dân sản xuất nhỏ lẻ ở tỉnh Champasak có xu hướng giảm dần, từ 85,2 nghìn hộ năm 2020 xuống còn 81,3 nghìn hộ năm 2024. Điều này phản ánh sự chuyển dịch trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, khi ngày càng nhiều hộ nông dân nhỏ lẻ chuyển sang tham gia vào các mô hình sản xuất tập trung

hơn như trang trại, tổ hợp tác hay hợp tác xã. Nguyên nhân xuất phát từ việc sản xuất nhỏ lẻ thường thiếu vốn, khó tiếp cận thị trường, gặp rủi ro về giá cả và dịch bệnh, trong khi các hình thức liên kết kinh tế giúp nông dân giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và được hỗ trợ kỹ thuật tốt hơn.

2.2.6. Thực trạng gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

Trong giai đoạn 2020-2024, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của tỉnh Champasak có xu hướng tăng liên tục, từ 3.254,28 tỷ kip năm 2020 lên 12.330,08 tỷ kip vào năm 2024. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ hai lĩnh vực chính là trồng trọt và chăn nuôi. Ngành trồng trọt tăng mạnh từ 2.058,33 lên 8.100,86 tỷ kip, trong khi chăn nuôi cũng phát triển đáng kể, từ 1.195,95 lên 4.229,22 tỷ kip. Ngành thủy sản biến động mạnh, đạt đỉnh 586,08 tỷ kip vào năm 2021, sau đó giảm rồi phục hồi lên 560,46 tỷ kip vào năm 2024. Ngược lại, ngành lâm nghiệp có xu hướng giảm trong những năm đầu, chạm đáy ở mức 492,16 tỷ kip năm 2023 rồi tăng nhẹ lên 1.120,92 tỷ kip năm 2024. Tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm, thủy sản tăng từ 4.930,73 tỷ kip năm 2020 lên 14.011,45 tỷ kip năm 2024, cho thấy sự phát triển rõ rệt của nền kinh tế nông nghiệp tại tỉnh Champasak.

2.2.6.1. Kết quả trong lĩnh vực trồng trọt

Trong lĩnh vực trồng trọt, tỉnh Champasak đã đạt được nhiều kết quả tích cực, với việc mở rộng diện tích canh tác các loại cây chủ lực như lúa, cà phê, rau màu và cây ăn quả; năng suất được nâng cao nhờ ứng dụng giống mới, cơ giới hóa và cải thiện hệ thống thủy lợi. Cây lúa tiếp tục giữ vai trò then chốt trong đảm bảo an ninh lương thực, trong khi cây cà phê - đặc biệt tại cao nguyên Bolaven - đã trở

thành cây công nghiệp xuất khẩu mang lại giá trị kinh tế cao. Ngoài ra, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và nhu cầu thị trường đã giúp sản xuất trồng trọt tại địa phương phát triển theo hướng bền vững và hiệu quả hơn.

2.2.6.2. Kết quả trong lĩnh vực chăn nuôi

Lĩnh vực chăn nuôi ở tỉnh Champasak có bước phát triển tích cực, với đàn gia súc, gia cầm ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều hộ dân áp dụng kỹ thuật mới, kiểm soát dịch bệnh tốt hơn và từng bước phát triển mô hình chăn nuôi hữu cơ. Nhờ đó, sản lượng thịt, trứng, sữa được cải thiện, góp phần nâng cao thu nhập và đảm bảo an toàn thực phẩm.

2.2.6.3. Kết quả trong lĩnh vực thủy sản

Lĩnh vực thủy sản tại tỉnh Champasak tuy còn hạn chế nhưng đã có bước phát triển tích cực, khi người dân tận dụng diện tích mặt nước để nuôi cá nước ngọt. Một số mô hình nuôi thâm canh được triển khai, giúp tăng sản lượng, cải thiện thu nhập và góp phần đa dạng hóa sinh kế cho nông dân.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những thành công

Tỉnh Champasak đã đạt được những thành công đáng ghi nhận trong quá trình chuyển dịch và hiện đại hóa cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Tỉnh Champasak cũng đạt được nhiều thành công quan trọng trong việc huy động và phân bổ nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, qua đó góp phần nâng cao năng suất và thúc đẩy quá trình đa dạng hóa cơ cấu kinh tế.

Tỉnh cũng đạt được nhiều thành công trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, đa dạng hóa sản phẩm và cải thiện năng lực sản xuất.

Việc nâng cao năng suất các loại cây trồng chủ lực, đồng thời từng bước áp dụng các biện pháp thâm canh cũng đạt được nhiều kết quả đáng mừng.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

Chuyển đổi cơ cấu vẫn còn khá chậm và thiếu bền vững do nhiều rào cản cơ bản.

Việc gia tăng các yếu tố nguồn lực trong nông nghiệp hiện nay vẫn còn thiếu tính bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, làm giảm tính bền vững và tiềm ẩn rủi ro cho sinh kế của người dân.

Ngành nông nghiệp Champasak hiện vẫn tồn tại nhiều hạn chế cản trở quá trình phát triển theo hướng thâm canh bền vững.

Mô hình liên kết trong nông nghiệp hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện ở sự yếu kém, manh mún và thiếu tính bền vững, khiến ngành dễ bị tổn thương trước biến động của thị trường và giá cả.

Kết quả sản xuất nông nghiệp tuy có xu hướng gia tăng nhưng nhìn chung còn thiếu tính bền vững, thể hiện ở sự phân bố tăng trưởng không đồng đều giữa các ngành, nhiều lĩnh vực biến động mạnh và dễ chịu tác động từ môi trường, thị trường hay chính sách.

2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan

- Trình độ sản xuất của người nông dân còn hạn chế.
- Cơ sở hạ tầng sản xuất còn bất cập.
- Khả năng tiếp cận vốn đầu tư hạn chế.
- Công tác quy hoạch chưa hợp lý.
- Chuyển giao khoa học kỹ thuật và khuyến nông còn yếu.
- Chính sách hỗ trợ còn dàn trải.

2.3.3.2. Nguyên nhân khách quan

- Biến đổi khí hậu khiến thường xuyên xảy ra hạn hán, lũ lụt, sạt lở và sâu bệnh hại cây trồng, vật nuôi.

- Biến động thị trường như giá nông sản bấp bênh, phụ thuộc vào xuất khẩu và thương lái.

- Hội nhập kinh tế tạo cơ hội nhưng cũng gây áp lực cạnh tranh lớn.

- Giai đoạn 2020–2022, hoạt động vận chuyển, xuất khẩu bị gián đoạn, chi phí logistics tăng, thị trường tiêu thụ thu hẹp.

- Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa phát triển nhanh làm thu hẹp đất nông nghiệp.

Kết luận chương 2

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

3.1. Căn cứ đề ra giải pháp

3.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển nông nghiệp của chính phủ Lào

3.1.2. Quan điểm và mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh Champasak đến năm 2030

3.2. Các giải pháp

3.2.1. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở sản xuất nông nghiệp

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp tỉnh Champasak chủ trì phối hợp với các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế từng vùng sinh thái.

Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng Liên minh Hợp tác xã tỉnh cân ban hành chính sách hỗ trợ vốn, đất đai và thủ tục pháp lý nhằm khuyến khích nông dân tham gia liên kết sản xuất.

3.2.2. Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp rà soát, lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo hướng ổn định, ưu tiên quỹ đất cho các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh gắn với thế mạnh cây trồng.

Tỉnh Champasak cần xây dựng cơ chế phân bổ vốn cân đối hơn, ưu tiên đầu tư cho các dự án hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là thủy lợi, giao thông nội đồng, hệ thống kho lạnh.

3.2.3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp phối hợp với các huyện, thị xã xây dựng quy hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng cân đối, phù hợp tiềm năng từng vùng; định hướng giảm phụ thuộc vào khai

thác tự nhiên, đồng thời mở rộng các ngành sản xuất có giá trị gia tăng cao.

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp cùng Chi cục Kiểm lâm đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và phát triển mô hình nông – lâm kết hợp.

3.2.4. Tiếp tục nâng cao trình độ thâm canh trong nông nghiệp

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp phối hợp với các trường, viện nghiên cứu nông nghiệp tăng cường mở các lớp tập huấn, mô hình trình diễn kỹ thuật canh tác tiên tiến, kỹ thuật canh tác bền vững để nông dân dễ tiếp cận và ứng dụng ngay vào thực tế sản xuất.

Chính quyền tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ cùng Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp xây dựng cơ chế hỗ trợ nông dân tiếp cận thông tin, tài liệu kỹ thuật bằng nhiều hình thức.

3.2.5. Lựa chọn các mô hình liên kết hiệu quả

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp phối hợp với các huyện, thành phố xây dựng quy hoạch vùng sản xuất gắn với thế mạnh từng địa phương, đồng thời ban hành chính sách hỗ trợ tích tụ đất đai.

Sở Công Thương cùng Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp phải xây dựng cơ chế thúc đẩy ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm minh bạch, công bằng.

3.2.6. Gia tăng hiệu quả sản xuất

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu hợp lý, cân đối giữa trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp tăng cường các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

Kết luận chương 3

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Phân công nhiệm vụ thực hiện

UBND tỉnh Champasak giữ vai trò chỉ đạo chung, điều phối tổng thể và ban hành các cơ chế, chính sách cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu của Đề án.

Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp – cơ quan được hình thành từ sự sáp nhập giữa Sở Nông nghiệp – Lâm nghiệp và Sở Tài nguyên & Môi trường – giữ vai trò cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác quy hoạch, quản lý, tổ chức và giám sát các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp - Lâm nghiệp trong việc cân đối, bố trí nguồn lực đầu tư công cho các dự án hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

4.2. Lộ trình, dự trù kinh phí thực hiện đề án

4.2.1. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2025 – 2026: Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp, gắn với quy hoạch sử dụng đất, thủy lợi và phát triển nông thôn mới.

Giai đoạn 2027 – 2028: Đẩy mạnh nhân rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và các chuỗi giá trị nông sản đã thử nghiệm thành công.

Giai đoạn 2029 – 2030: Hoàn thiện hệ thống sản xuất nông nghiệp hiện đại, hướng tới tự động hóa, cơ giới hóa và số hóa trong quản lý.

Kết luận chương 4

KẾT LUẬN

Đề án “*Phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*” được xây dựng trên cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý vững chắc, gắn với định hướng phát triển chung của Chính phủ Lào và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thông qua quá trình phân tích, đánh giá thực trạng, đề án đã chỉ ra những thành tựu nổi bật trong phát triển nông nghiệp Champasak thời gian qua, đồng thời nhận diện rõ những hạn chế và nguyên nhân tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm tạo bước đột phá trong giai đoạn tới.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông nghiệp Champasak đã có sự chuyển biến tích cực về nhiều mặt: gia tăng số lượng cơ sở sản xuất, mở rộng nguồn lực phục vụ sản xuất, từng bước hình thành cơ cấu sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ thâm canh, áp dụng các mô hình liên kết kinh tế tiên tiến và gia tăng sản lượng, giá trị nông sản. Những kết quả này đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao đời sống nông dân và thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy Champasak vẫn đối diện với nhiều khó khăn như nguồn lực còn hạn chế, trình độ khoa học công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp chưa đồng bộ, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị nông nghiệp chưa bền vững. Những vấn đề này đòi hỏi tỉnh phải có chiến lược và giải pháp đồng bộ hơn, tập trung vào đổi mới mô hình sản xuất, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, thu hút đầu tư và phát triển thị trường nông sản theo hướng hiện đại, bền vững.

Xu hướng phát triển nông nghiệp tại Champasak cần đặt trong bối cảnh chung của khu vực và thế giới. Hiện nay, nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước trong khu vực Đông Nam Á, đang hướng mạnh đến phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chuyển đổi số và thương mại điện tử. Các địa phương trong Lào cũng đang đẩy mạnh liên kết vùng, phát huy lợi thế đặc thù để tham gia vào chuỗi giá trị nông sản khu vực. Do đó, Champasak cần chủ động nắm bắt xu thế này, định hình chiến lược phát triển theo hướng hội nhập, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện với môi trường.

Nhìn chung, đề án đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện và lộ trình cụ thể nhằm phát triển nông nghiệp tỉnh Champasak đến năm 2030. Việc triển khai thành công đề án sẽ góp phần đưa nông nghiệp Champasak trở thành một ngành kinh tế trụ cột, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời khẳng định vị thế và sự đóng góp của Champasak vào sự phát triển chung của nông nghiệp Lào trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.